

CÔNG TY CP MỎ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU KHOÁNG SẢN MIỀN TRUNG

Số 60 Đường Nguyễn Tuấn Thiện, P. Lê Mao, TP Vinh, Nghệ An

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

đã được kiểm toán



MỤC LỤC

STT	Nội dung	Trang
1	Báo cáo của Ban Giám đốc	1 – 2
2	Báo cáo kiểm toán độc lập	3 – 4
3	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
-	<i>Bảng cân đối kế toán</i>	5 – 6
-	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	7
-	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i>	8
-	<i>Bàn thuyết minh báo cáo tài chính</i>	9 – 22



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Mỏ và Xuất nhập khẩu Khoáng sản Miền Trung trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Mỏ và Xuất nhập khẩu Khoáng sản Miền Trung (sau đây được viết tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900819613 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp ngày 07/09/2007, thay đổi lần thứ 08 ngày 02/12/2014.

Trụ sở chính của Công ty: Số 60, đường Nguyễn Tuấn Thiện, phường Lê Mao, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Vốn điều lệ của Công ty là: 310.000.000.000 đồng (Ba trăm mười tỷ đồng chẵn).

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh:

Hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Mỏ và Xuất nhập khẩu Khoáng sản Miền Trung hiện tại được thực hiện chủ yếu trên địa bàn tỉnh Nghệ An và các tỉnh phía Bắc. Các hoạt động chính bao gồm:

- Thăm dò, khai thác, mua bán, chế biến khoáng sản;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ;
- Khai thác, chế biến, mua bán đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Mua bán hàng nông, lâm sản;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình thủy lợi.

Ban Giám đốc Công ty:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Vũ Đại Dương	Giám đốc	28/11/2014
Thái Thị Hồng Thủy	Phó Giám đốc	01/11/2013
Dương Thị Vân	Kế toán trưởng	08/11/2013

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Vũ Đại Dương	Chủ tịch	28/11/2014
Thái Thị Hồng Thủy	Phó Chủ tịch	28/11/2014
Dương Thị Vân	Ủy viên	28/11/2014
Lê Văn Cương	Ủy viên	28/11/2014
Nguyễn Duy Nhất	Ủy viên	28/11/2014

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Phạm Hồng Thanh	Trưởng ban	28/11/2014
Nguyễn Trọng Duy	Thành viên	28/11/2014
Nguyễn Thị Thương	Thành viên	28/11/2014

Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế tại Thanh Hóa là Công ty kiểm toán độc lập có đủ năng lực được lựa chọn. Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế tại Thanh Hóa bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty trong những năm tiếp theo.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Nghệ An, ngày 07 tháng 02 năm 2015

**Giám đốc****Vũ Đại Dương**



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
CHI NHÁNH THANH HÓA**

Địa chỉ: Lô S2, Khu 2, Khu Đô Thị Bình Minh, P. Đông Hương, TP Thanh Hóa

Điện thoại: 0373.758.959 - Email: ifcthanhhhoa@ifcvietnam.com.vn - Website: ifcvietnam.com.vn

Số: 05/2015/BCKT-IFCTH

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014
của Công ty Cổ phần Mỏ và Xuất nhập khẩu Khoáng sản Miền Trung*

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Mỏ và Xuất nhập khẩu Khoáng sản Miền Trung**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Mỏ và Xuất nhập khẩu Khoáng sản Miền Trung, được lập ngày 07/02/2015, từ trang 05 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Mỏ và Xuất nhập khẩu Khoáng sản Miền Trung tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thanh Hóa, ngày 07 tháng 02 năm 2015

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
TÀI CHÍNH QUỐC TẾ TẠI THANH HÓA**

Giám đốc



Nguyễn Văn Quân

Số GCNĐKHN kiểm toán số 2034-2014-072-1

Kiểm toán viên

A handwritten signature of the auditor.

Lê Trọng Thanh

Số GCNĐKHN kiểm toán số 2373-2014-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		183.605.967.786	85.512.478.011
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	24.096.975.770	1.487.635.081
1. Tiền	111		24.096.975.770	1.487.635.081
II. Các khoản đầu tư ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		154.216.636.491	66.834.092.930
1. Phải thu khách hàng	131	V.02	102.686.828.331	66.834.092.930
2. Trả trước cho người bán	132	V.03	46.279.808.160	-
4. Các khoản phải thu khác	135	V.04	5.250.000.000	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.05	4.735.687.013	-
1. Hàng tồn kho	141		4.735.687.013	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		556.668.512	17.190.750.000
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		556.668.512	-
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	17.190.750.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		159.813.126.769	80.197.330.666
II. Tài sản cố định	220		9.813.126.769	197.330.666
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	5.624.631.386	197.330.666
- Nguyên giá	222		6.307.254.400	520.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(682.623.014)	(322.669.334)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.07	4.188.495.383	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		150.000.000.000	80.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.08	80.000.000.000	80.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.09	70.000.000.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		343.419.094.555	165.709.808.677

CÔNG TY CỔ PHẦN MỎ VÀ XNK KHOÁNG SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 60, đường Nguyễn Tuấn Thiện, phường Lê Mao,
thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết
thúc ngày 31/12/2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		17.006.716.347	60.454.275.045
I. Nợ ngắn hạn	310		17.006.716.347	60.454.275.045
1. Vay và nợ ngắn hạn	311			
2. Phải trả người bán	312	V.10	12.334.113.944	58.150.407.920
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	4.672.602.403	2.303.867.125
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		326.412.378.208	105.255.533.632
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.12	326.412.378.208	105.255.533.632
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		310.000.000.000	100.000.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		16.412.378.208	5.255.533.632
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		343.419.094.555	165.709.808.677

Nghệ An, ngày 07 tháng 02 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Dương Thị Vân

Dương Thị Vân



Vũ Đại Dương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
1	2	3	4	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	115.691.120.660	63.486.039.300
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ $10 = 01 - 02$	10		115.691.120.660	63.486.039.300
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	104.841.682.154	55.555.825.382
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ $(20 = 10 - 11)$	20		10.849.438.506	7.930.213.918
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5.250.410.353	752.994.027
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.796.201.967	1.049.685.891
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh $3 = 20 + (21 - 22) - 24 + 25$	30		14.303.646.892	7.633.522.054
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	2		-	86.666.667
13. Lợi nhuận khác $(40 = 31 - 32)$	40		-	(86.666.667)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế $(50 = 30 + 40)$	50		14.303.646.892	7.546.855.387
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.4	3.146.802.316	1.525.800.087
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp $(60 = 50 - 5 - 52)$	60		11.156.844.576	6.021.055.300
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.5	588	1.011

Nghệ An, ngày 07 tháng 02 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Dương Thị Vân



Vũ Đại Dương

CHỦ TỊCH
Tạ Thị Thanh Huyền

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2014	Năm 2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế:	01	14.303.646.892	7.546.855.387
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	359.953.680	86.666.667
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.250.000.000)	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	8.263.600.572	7.633.522.054
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(65.498.462.073)	(76.253.843.481)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(4.735.687.013)	
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(56.570.110.797)	58.928.474.958
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	-	133.911.634
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh Doanh	20	(117.390.659.311)	(9.557.934.835)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(70.000.000.000)	(80.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(70.000.000.000)	(80.000.000.000)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	210.000.000.000	90.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	210.000.000.000	90.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	22.609.340.689	442.065.165
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.487.635.081	1.045.569.916
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	24.096.975.770	1.487.635.081

Nghệ An, ngày 07 tháng 02 năm 2015

Người lập biểu



Dương Thị Vân

Kế toán trưởng



Dương Thị Vân



Vũ Đại Dương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Mỏ và Xuất nhập khẩu Khoáng sản Miền Trung (sau đây được viết tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900819613 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp ngày 07/09/2007, thay đổi lần thứ 08 ngày 02/12/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

Trụ sở chính của Công ty: Số 60, đường Nguyễn Tuấn Thiện, phường Lê Mao, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Vốn điều lệ của Công ty là: 310.000.000.000 đồng (Ba trăm mười tỷ đồng chẵn).

2. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Mỏ và Xuất nhập khẩu Khoáng sản Miền Trung hiện tại được thực hiện chủ yếu trên địa bàn tỉnh Nghệ An và các tỉnh phía Bắc. Các hoạt động chính bao gồm:

- Thăm dò, khai thác, mua bán, chế biến khoáng sản;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ;
- Khai thác, chế biến, mua bán đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Mua bán hàng nông, lâm sản;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình thủy lợi.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (Ký hiệu là VND).

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và các Quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp, chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Trên máy vi tính.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

3.1. Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: *Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.*

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

4.1. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

4.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT – BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính như sau:

- Máy móc thiết bị

06 năm

4.3. Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng (bao gồm chi phí thiết kế thi công; Chi phí làm đường vào mỏ; Chi phí khảo sát thăm dò). Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác:

Chi phí trả trước:

Chi phí trả trước ngắn hạn : Là các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí trả trước dài hạn : Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán bao gồm :

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn
- Chi phí trước thành lập doanh nghiệp

Công ty tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ từ 2 năm.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

7.1. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty trong năm là lãi tiền gửi ngân hàng.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí tài chính:

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính..

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

10. Nguyên tắc ghi nhận Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và các loại thuế khác.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành:

- Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế (nếu có) và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có)
- Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22% trên lợi nhuận chịu thuế.
- Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại: Được tính trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế GTGT được kê khai và hạch toán theo phương pháp khấu trừ, thuế suất thuế GTGT là 10%.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác Công ty kê khai và nộp thuế theo quy định hiện hành của Nhà nước.

V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bản cân đối kế toán

Đơn vị tính VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2014	01/01/2014
Tiền mặt	3.675.774.080	1.486.633.814
Tiền gửi ngân hàng	20.421.201.690	1.001.267
Cộng	24.096.975.770	1.487.635.081

2. Phải thu khách hàng

	31/12/2014	01/01/2014
Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc	13.038.394.912	8.535.450.000
Công ty CP Khoáng sản luyện kim màu	71.828.983.851	-
Công ty CP Khoáng sản Hòa Bình	6.307.831.266	-
Công ty CP Khoáng sản và vật liệu xây dựng Hưng Long	655.270.000	-
Công ty cổ phần luyện kim Đông Bắc	10.022.848.000	-
Công ty Cổ phần An Thịnh	833.500.302	58.298.642.930
Cộng	102.686.828.331	66.834.092.930

3. Trả trước cho người bán

	31/12/2014	01/01/2014
Công ty CP luyện kim Phú Thịnh	1.207.428.000	-
Công ty cổ phần chứng khoán Thủ Đô	55.000.000	-
Công ty cổ phần Thương mại và Đầu tư VCI Việt Nam	45.017.380.160	-
Cộng	46.279.808.160	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MỎ VÀ XNK KHOÁNG SẢN MIỀN TRUNGĐịa chỉ: Số 60, đường Nguyễn Tuấn Thiện, phường Lê Mao,
thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết
thúc ngày 31/12/2014**4. Các khoản phải thu khác**

	31/12/2014	01/01/2014
Các khoản phải thu khác (*)	5.250.000.000	-
Cộng	5.250.000.000	-

(*) Là khoản phải thu về lãi trái phiếu của Công ty cổ phần Khoáng sản Na Rì Hamino.

5. Hàng tồn kho

	31/12/2014	01/01/2014
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	273.287.013	-
Hàng hóa	4.462.400.000	-
Cộng	4.735.687.013	-

6. Tăng, giảm TSCĐ hữu hình

Đơn vị tính VND

Chỉ tiêu	Máy móc, thiết bị	Cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình		
<i>Số dư đầu kỳ</i>	520.000.000	520.000.000
Mua trong kỳ	5.787.254.400	5.787.254.400
<i>Số dư cuối kỳ</i>	6.307.254.400	6.307.254.400
Giá trị hao mòn lũy kế		
<i>Số dư đầu kỳ</i>	322.669.334	322.669.334
- Khấu hao trong kỳ	359.953.680	359.953.680
<i>Số dư cuối kỳ</i>	682.623.014	682.623.014
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình		
- <i>Tại ngày đầu kỳ</i>	197.330.666	197.330.666
- <i>Tại ngày cuối kỳ</i>	5.624.631.386	5.624.631.386

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2014	01/01/2014
Mỏ chì kẽm đa kim	4.188.495.383	-
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí thiết kế thi công	721.987.320	-
- Chi phí làm đường vào mỏ	217.562.270	-
- Chi phí cấp mỏ và khảo sát thăm dò	3.248.945.793	-
Cộng	4.188.495.383	-

8. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh

	31/12/2014	01/01/2014
Đầu tư vào công ty liên kết	-	-
Đầu tư vào liên doanh (Hợp đồng liên doanh):	-	-
<i>Công ty TNHH Thuận Phát ⁽¹⁾</i>	<i>57.200.000.000</i>	<i>57.200.000.000</i>
<i>Công ty cổ phần Vương Anh ⁽²⁾</i>	<i>22.800.000.000</i>	<i>22.800.000.000</i>
Cộng	80.000.000.000	80.000.000.000

(1): Hợp đồng liên kết kinh doanh số 0102/2013/HĐHT/MTM-TPC ngày 01/02/2013: Góp vốn đầu tư thực hiện dự án Xây dựng và vận hành Nhà máy chế biến đá vôi do Công ty TNHH Thuận Phát làm chủ đầu tư.

- Bên nhận vốn góp : Công ty TNHH Thuận Phát
- Địa chỉ : Khu công nghiệp Phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.
- Tổng số vốn dự kiến đầu tư : 88.000.000.000 VND
- Công ty cổ phần Mỏ và XNK khoáng sản Miền Trung góp 65% tương đương: 57.200.000.000 VND.
- Hiện tại đã góp: 57.200.000.000 VND.
- Tỷ lệ phân chia lợi nhuận và rủi ro: Kết quả sản xuất kinh doanh, lãi sau thuế TNDN hoặc lỗ được phân chia theo tỷ lệ góp vốn.

Hiện tại Dự án hợp tác đang trong quá trình đầu tư xây dựng, chưa xác định kết quả kinh doanh từ Dự án, nên Công ty chưa tiến hành xem xét trích lập dự phòng khoản đầu tư liên kết kinh Doanh nói trên.

(2): Hợp đồng liên kết kinh doanh số 1507/2013/HĐHT/MTM-VAC ngày 15/07/2013: Xây dựng và vận hành Nhà máy tuyển Quặng sắt tại Cảng Việt Trì, tỉnh Phú Thọ do Công ty cổ phần Vương Anh làm chủ đầu tư.

- Bên nhận vốn góp : Công ty cổ phần Vương Anh
- Địa chỉ : Số 58 Đường 3/2, P.Tân Lập, TP.Thái Nguyên, tỉnh Yên Bái.
- Tổng số vốn dự kiến đầu tư : 45.600.000.000 VND
- Công ty cổ phần Mỏ và XNK khoáng sản Miền Trung góp 50% tương đương: 22.800.000.000 VND.
- Hiện tại đã góp: 22.800.000.000 VND .
- Tỷ lệ phân chia lợi nhuận và rủi ro: Kết quả sản xuất kinh doanh, lãi sau thuế TNDN hoặc lỗ được phân chia theo tỷ lệ góp vốn.

Hiện tại Dự án hợp tác đang trong quá trình đầu tư xây dựng, chưa xác định kết quả kinh doanh từ Dự án, nên Công ty chưa tiến hành xem xét trích lập dự phòng khoản đầu tư liên kết kinh Doanh nói trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN MỎ VÀ XNK KHOÁNG SẢN MIỀN TRUNGĐịa chỉ: Số 60, đường Nguyễn Tuấn Thiện, phường Lê Mao,
thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết
thúc ngày 31/12/2014**9. Đầu tư dài hạn khác**

	31/12/2014	01/01/2014
Công ty Cổ phần khoáng sản Na Rì Hamico ^(*)	70.000.000.000	-
Cộng	70.000.000.000	-

(*): Đầu tư trái phiếu của Công ty cổ phần Khoáng sản Na Rì Hamico

Kỳ hạn:	12 tháng
Quyền chuyển đổi:	Trái phiếu bắt buộc phải chuyển đổi thành cổ phiếu
Thời điểm chuyển đổi:	Ngày chuyển đổi: 31/03/2015
Kỳ hạn trả lãi:	Tiền lãi trái phiếu được thanh toán định kỳ 06 tháng vào ngày tròn 06 tháng từ ngày phát hành.
Lãi suất trái phiếu:	Lãi suất cố định 10%/năm
Tỷ lệ chuyển đổi:	01:10 (01 trái phiếu được chuyển đổi thành 10 cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu có mệnh giá 10.000 đồng/cp)

10. Phải trả người bán

	31/12/2014	01/01/2014
Công ty Cổ phần luyện kim Phú Thịnh	-	8.508.500.000
Công ty cổ phần luyện kim Đông Bắc	12.334.113.944	49.641.907.920
Cộng	12.334.113.944	58.150.407.920

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2014	01/01/2014
Thuế giá trị gia tăng	-	778.067.038
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.672.602.403	1.525.800.087
Cộng	4.672.602.403	2.303.867.125



CÔNG TY CỔ PHẦN MỎ VÀ XNK KHOÁNG SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 60, đường Nguyễn Tuấn Thiện, phường Lê Mao,
thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết
thúc ngày 31/12/2014

12. Vốn chủ sở hữu**a- Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2013	10.000.000.000	(765.521.668)	9.234.478.332
Vốn góp tăng trong năm	90.000.000.000	-	90.000.000.000
Lãi trong năm	-	6.021.055.300	6.021.055.300
Số dư tại 31/12/2013	100.000.000.000	5.255.533.632	105.255.533.632
Vốn góp tăng trong kỳ	210.000.000.000	-	210.000.000.000
Lãi trong kỳ	-	11.156.844.576	11.156.844.576
Số dư tại 31/12/2014	310.000.000.000	16.412.378.208	326.412.378.208

b- Cổ phiếu

Đơn vị tính: Cổ phần

	31/12/2014	01/01/2014
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	31.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	31.000.000	10.000.000
Cổ phần phổ thông	31.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phần mua lại	-	-
Cổ phần phổ thông	-	-
Số lượng cổ phần đang lưu hành	31.000.000	10.000.000
Cổ phần phổ thông	31.000.000	10.000.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần

CÔNG TY CỔ PHẦN MỎ VÀ XNK KHOÁNG SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 60, đường Nguyễn Tuấn Thiện, phường Lê Mao,
thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết
thúc ngày 31/12/2014

VI – Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2014	Năm 2013
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa	115.691.120.660	63.486.039.300
Cộng	115.691.120.660	63.486.039.300

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2014	Năm 2013
Giá vốn hàng hóa	104.841.682.154	55.555.825.382
Cộng	104.841.682.154	55.555.825.382

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2014	Năm 2013
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	410.353	752.994.027
Lãi đầu tư trái phiếu	5.250.000.000	-
Cộng	5.250.410.353	752.994.027



CÔNG TY CỔ PHẦN MỎ VÀ XNK KHOÁNG SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 60, đường Nguyễn Tuấn Thiện, phường Lê Mao,
thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết
thúc ngày 31/12/2014

4. Chi phí thuế thu nhập hiện hành

	Năm 2014	Năm 2013
Lợi nhuận kế toán trước thuế	14.303.646.892	7.546.855.387
Chuyển lỗ phát sinh năm trước	-	(765.521.668)
Thu nhập chịu thuế	14.303.646.892	6.781.333.719
Thuế suất (*)	22%	22,5%
Thuế TNDN phải nộp	3.146.802.316	1.525.800.087
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.146.802.316	1.525.800.087

(*) Theo quy định tại thông tư số 141/2013/TT-BTC ngày 16/10/2013 của Bộ Tài chính thì năm 2013 Công ty được áp dụng mức thuế TNDN cho 06 tháng đầu năm 2013 là 25% và 06 tháng cuối năm 2013 là 20%.

5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2014	Năm 2013
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	11.156.844.576	6.021.055.300
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	11.156.844.576	6.021.055.300
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	18.982.192	5.955.056
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	588	1.011
Mệnh giá CP	10.000	10.000

6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2014	Năm 2013
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	71.826.520	154.767.656
Chi phí nhân công	1.389.012.798	130.193.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	359.953.680	86.666.667
Chi phí khác	335.362.649	764.725.235
Cộng	2.156.155.647	1.136.352.558

VII – Thông tin khác**1. Thông tin về các bên liên quan****1.1. Nghiệp vụ và số dư với bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị (VND)	
			Năm 2014	Năm 2013
<u>Giao dịch với bên liên quan</u>				
Ông Lê Văn Cường	Thành viên HĐQT	Góp vốn kinh doanh	30.000.000.000	63.000.000.000
Bà Thái Thị Hồng Thủy	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	Góp vốn kinh doanh	-	22.500.000.000
Bà Dương Thị Vân	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng	Góp vốn kinh doanh	-	4.500.000.000

1.2. Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốcThu nhập của Ban Giám đốc
Các khoản phúc lợi khác**Năm 2014**
325.000.000**2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

3. Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV "Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu" tương ứng.

Các loại công cụ tài chính

Giá trị ghi sổ các công cụ tài chính của Công ty tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính như sau:

	Giá trị ghi sổ tại ngày	
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền	24.096.975.770	1.487.635.081
Phải thu khách hàng và phải thu khác	107.936.828.331	66.834.092.930
Đầu tư ngắn hạn	-	-
Đầu tư dài hạn	150.000.000.000	80.000.000.000
Cộng	282.033.804.101	148.321.728.011
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	12.334.113.944	58.150.407.920
Cộng	12.334.113.944	58.150.407.920

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 "Thông tư 210" cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra

hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn là đối tác liên doanh lâu năm.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2014			
Phải trả người bán và phải trả khác	12.334.113.944	-	12.334.113.944
Cộng	12.334.113.944	-	12.334.113.944
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2014			
Phải trả người bán và phải trả khác	58.150.407.920	-	58.150.407.920
Cộng	58.150.407.920	-	58.150.407.920



CÔNG TY CỔ PHẦN MỎ VÀ XNK KHOÁNG SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 60, đường Nguyễn Tuấn Thiện, phường Lê Mao,
thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết
thúc ngày 31/12/2014

Quản lý rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2014			
Tiền	24.096.975.770	-	24.096.975.770
Phải thu khách hàng và phải thu khác	107.936.828.331	-	107.936.828.331
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	150.000.000.000	150.000.000.000
Cộng	132.033.804.101	150.000.000.000	282.033.804.101
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2014			
Tiền	1.487.635.081	-	1.487.635.081
Phải thu khách hàng và phải thu khác	66.834.092.930	-	66.834.092.930
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	80.000.000.000	80.000.000.000
Cộng	68.321.728.011	80.000.000.000	148.321.728.011

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K kiểm toán.

Nghệ An, ngày 07 tháng 02 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Dương Thị Vân

Dương Thị Vân



Vũ Đại Dương

HÀ BÀ TRUNG

CÔNG TY CP MỎ VÀ XNK KHOÁNG SẢN MIỀN TRUNG

Số 60 Nguyễn Tuấn Thiện, P. Lê Mao, TP Vinh, Nghệ An

Báo cáo tài chính

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 10/04/2015

Đã được soát xét

MỤC LỤC

STT	Nội dung	Trang
1	Báo cáo của Ban Giám đốc	1 – 2
2	Báo cáo kết quả công tác soát xét	3
3	Báo cáo tài chính đã được soát xét	
-	<i>Bảng cân đối kế toán</i>	4 – 5
-	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	6
-	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i>	7
-	<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính</i>	8 - 19

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Mỏ và Xuất nhập khẩu Khoáng sản Miền Trung trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 10/04/2015.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Mỏ và Xuất nhập khẩu Khoáng sản Miền Trung (sau đây được viết tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900819613 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp ngày 07/09/2007, thay đổi lần thứ 08 ngày 02/12/2014.

Trụ sở chính của Công ty: Số 60, đường Nguyễn Tuấn Thiện, phường Lê Mao, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Vốn điều lệ của Công ty là: 310.000.000.000 đồng (Ba trăm mười tỷ đồng chẵn).

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh:

Hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Mỏ và Xuất nhập khẩu Khoáng sản Miền Trung hiện tại được thực hiện chủ yếu trên địa bàn tỉnh Nghệ An và các tỉnh phía Bắc. Các hoạt động chính bao gồm:

- Thăm dò, khai thác, mua bán, chế biến khoáng sản;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ;
- Khai thác, chế biến, mua bán đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Mua bán hàng nông, lâm sản;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình thủy lợi.

Ban Giám đốc Công ty:

Họ và tên	Chức vụ
Vũ Đại Dương	Giám đốc
Thái Thị Hồng Thủy	Phó Giám đốc
Dương Thị Vân	Kế toán trưởng

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Vũ Đại Dương	Chủ tịch
Thái Thị Hồng Thủy	Phó Chủ tịch
Dương Thị Vân	Ủy viên
Lê Văn Cương	Ủy viên
Nguyễn Duy Nhất	Ủy viên

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Phạm Hồng Thanh	Trưởng ban
Nguyễn Trọng Duy	Thành viên
Nguyễn Thị Thương	Thành viên

Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế tại Thanh Hóa là Công ty kiểm toán độc lập có đủ năng lực được lựa chọn. Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế tại Thanh Hóa bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty trong những năm tiếp theo.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 10/04/2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 10/04/2015, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ngày 22 tháng 04 năm 2015



Giám đốc

Vũ Đại Dương

Số: 22/2015/BCSX-IFCTH

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 10 tháng 04 năm 2015 của Công ty Cổ phần Mỏ và Xuất nhập khẩu Khoáng sản Miền Trung

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Mỏ và Xuất nhập khẩu Khoáng sản Miền Trung

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 10 tháng 4 năm 2015 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 10 tháng 4 năm 2015 và thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “Báo cáo tài chính”) của Công ty Cổ phần Mỏ và Xuất nhập khẩu Khoáng sản Miền Trung (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 22 tháng 04 năm 2015, từ trang 4 đến trang 19.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 10 tháng 4 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 10 tháng 4 năm 2015 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Thanh Hóa, ngày 22 tháng 04 năm 2015

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
TÀI CHÍNH QUỐC TẾ TẠI THANH HÓA**



Nguyễn Văn Quân

Số GCNĐKHN kiểm toán số 2034-2014-072-1

Kiểm toán viên

Lê Trọng Thanh

Số GCNĐKHN kiểm toán số 2373-2014-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 10 tháng 04 năm 2015

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	10/04/2015	01/01/2015
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		201.611.573.896	183.605.967.786
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	4.835.762.075	24.096.975.770
1. Tiền	111		4.835.762.075	24.096.975.770
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		175.658.162.589	154.216.636.491
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	130.450.452.605	102.686.828.331
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	45.207.709.984	46.279.808.160
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.4	-	5.250.000.000
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	7.041.322.403	4.735.687.013
1. Hàng tồn kho	141		7.041.322.403	4.735.687.013
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		14.076.326.829	556.668.512
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		274.317.929	556.668.512
2. Tài sản ngắn hạn khác	155		13.802.008.900	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		157.629.679.908	159.813.126.769
II. Tài sản cố định	220		5.338.268.516	5.624.631.386
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	5.338.268.516	5.624.631.386
Nguyên giá	222		6.307.254.400	6.307.254.400
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(968.985.884)	(682.623.014)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		4.291.411.392	4.188.495.383
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.7	4.291.411.392	4.188.495.383
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		148.000.000.000	150.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.8	120.000.000.000	80.000.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.9	70.000.000.000	70.000.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(42.000.000.000)	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		359.241.253.804	343.419.094.555

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 10 tháng 04 năm 2015

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	10/04/2015	01/01/2015
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		28.565.216.588	17.006.716.347
I. Nợ ngắn hạn	310		28.565.216.588	17.006.716.347
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	22.690.043.696	12.334.113.944
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	5.875.172.892	4.672.602.403
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		330.676.037.216	326.412.378.208
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.12	330.676.037.216	326.412.378.208
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		310.000.000.000	310.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.115.684.456	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		19.560.352.760	16.412.378.208
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		15.296.693.752	5.255.533.632
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.263.659.008	11.156.844.576
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		359.241.253.804	343.419.094.555

Lập, ngày 22 tháng 04 năm 2015

Người lập biểu



Dương Thị Vân

Kế toán trưởng



Dương Thị Vân

Giám đốc



Vũ Đại Dương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 10 tháng 04 năm 2015

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 10/04/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 10/04/2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	34.975.361.765	15.270.271.551
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		34.975.361.765	15.270.271.551
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	28.051.945.078	12.099.172.619
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.923.416.687	3.171.098.932
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	41.752.019.020	120.998.271
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	42.000.000.000	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.209.206.210	766.828.762
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.466.229.497	2.525.268.441
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.466.229.497	2.525.268.441
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.5	1.202.570.489	555.559.057
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.263.659.008	1.969.709.384

Lập, ngày 22 tháng 04 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Dương Thị Vân



Dương Thị Vân



CHỦ TỊCH
Tạ Thị Thanh Huyền

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 10/04/2015

Mẫu B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 10/04/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 10/04/2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5.466.229.497	2.525.268.441
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		286.362.870	89.988.420
- Các khoản dự phòng	03		42.000.000.000	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(41.750.000.000)	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		6.002.592.367	2.615.256.861
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(34.961.184.415)	(40.832.922.060)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.305.635.390)	(1.696.547.532)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		10.355.929.752	41.672.836.525
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(20.908.297.686)	1.758.623.794
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(102.916.009)	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(30.160.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		30.160.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(120.000.000.000)	(70.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		120.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.750.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.647.083.991	(70.000.000.000)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	75.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	75.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(19.261.213.695)	6.758.623.794
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	24.096.975.770	5.765.382.920
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	4.835.762.075	12.524.006.714

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Dương Thị Vân



Dương Thị Vân

Lập ngày 22 tháng 04 năm 2015



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 10/04/2015

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Mỏ và Xuất nhập khẩu Khoáng sản Miền Trung (sau đây được viết tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900819613 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp ngày 07/09/2007, thay đổi lần thứ 08 ngày 02/12/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

Trụ sở chính của Công ty: Số 60, đường Nguyễn Tuấn Thiện, phường Lê Mao, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Vốn điều lệ của Công ty là: 310.000.000.000 đồng (Ba trăm mười tỷ đồng chẵn).

2. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Mỏ và Xuất nhập khẩu Khoáng sản Miền Trung hiện tại được thực hiện chủ yếu trên địa bàn tỉnh Nghệ An và các tỉnh phía Bắc. Các hoạt động chính bao gồm:

- Thăm dò, khai thác, mua bán, chế biến khoáng sản;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ;
- Khai thác, chế biến, mua bán đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Mua bán hàng nông, lâm sản;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình thủy lợi.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (Ký hiệu là VND).

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Trên máy vi tính.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

3.1. Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: *Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.*

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

4.1. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

4.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT – BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính như sau:

- Máy móc thiết bị

06 năm

4.3. Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng (bao gồm chi phí thiết kế thi công; Chi phí làm đường vào mỏ; Chi phí khảo sát thăm dò). Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác:

Chi phí trả trước:

Chi phí trả trước ngắn hạn: Là các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí trả trước dài hạn: Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán bao gồm:

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn
- Chi phí trước thành lập doanh nghiệp

Công ty tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ từ 2 năm.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

7.1. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty trong năm là lãi tiền gửi ngân hàng.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí tài chính:

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính..

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

10. Nguyên tắc ghi nhận Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và các loại thuế khác.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành:

- Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế (nếu có) và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có)
- Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22% trên lợi nhuận chịu thuế.
- Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại: Được tính trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế GTGT được kê khai và hạch toán theo phương pháp khấu trừ, thuế suất thuế GTGT là 10%.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác Công ty kê khai và nộp thuế theo quy định hiện hành của Nhà nước.

V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bản cân đối kế toán

Đơn vị tính VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	10/04/2015	01/01/2015
Tiền mặt	4.784.663.983	3.675.774.080
Tiền gửi ngân hàng	51.098.092	20.421.201.690
Cộng	4.835.762.075	24.096.975.770

2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	10/04/2015	01/01/2015
Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc	13.038.394.912	13.038.394.912
Công ty CP Khoáng sản luyện kim màu	71.828.983.851	71.828.983.851
Công ty CP Khoáng sản Hòa Bình	6.307.831.266	6.307.831.266
Công ty CP Khoáng sản và vật liệu xây dựng Hưng Long	655.270.000	655.270.000
Công ty cổ phần luyện kim Đông Bắc	37.786.472.274	10.022.848.000
Công ty Cổ phần An Thịnh	833.500.302	833.500.302
Cộng	130.450.452.605	102.686.828.331

3. Trả trước cho người bán

	10/04/2015	01/01/2015
Công ty CP luyện kim Phú Thịnh	1.207.428.000	1.207.428.000
Công ty cổ phần chứng khoán Thủ Đô	55.000.000	55.000.000
Công ty cổ phần Thương mại và Đầu tư VCI Việt Nam	43.945.281.984	45.017.380.160
Cộng	45.207.709.984	46.279.808.160

4. Các khoản phải thu khác

	10/04/2015	01/01/2015
Các khoản phải thu khác (*)	-	5.250.000.000
Cộng	-	5.250.000.000

(*) Là khoản phải thu về lãi trái phiếu của Công ty cổ phần Khoáng sản Na Rì Hamino.

CÔNG TY CỔ PHẦN MỎ VÀ XNK KHOÁNG SẢN MIỀN TRUNGĐịa chỉ: Số 60, đường Nguyễn Tuấn Thiện, phường Lê Mao,
thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.**Báo cáo tài chính**Cho kỳ kế toán từ ngày
01/01/2015 đến ngày 10/04/2015**5. Hàng tồn kho**

	10/04/2015	01/01/2015
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	559.649.883	273.287.013
Hàng hóa	6.481.672.520	4.462.400.000
Cộng	7.041.322.403	4.735.687.013

6. Tăng, giảm TSCĐ hữu hình

Đơn vị tính VND

Chỉ tiêu	Máy móc, thiết bị	Cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình		
<i>Số dư đầu kỳ</i>	<i>6.307.254.400</i>	<i>6.307.254.400</i>
Mua trong kỳ	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>6.307.254.400</i>	<i>6.307.254.400</i>
Giá trị hao mòn lũy kế		
<i>Số dư đầu kỳ</i>	<i>682.623.014</i>	<i>682.623.014</i>
- Khấu hao trong kỳ	286.362.870	286.362.870
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>968.985.884</i>	<i>968.985.884</i>
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình		
- <i>Tại ngày đầu kỳ</i>	<i>5.624.631.386</i>	<i>5.624.631.386</i>
- <i>Tại ngày cuối kỳ</i>	<i>5.338.268.516</i>	<i>5.338.268.516</i>

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	10/04/2015	01/01/2015
Mỏ chì kẽm đa kim	4.291.411.392	4.188.495.383
Cộng	4.291.411.392	4.188.495.383

8. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh

	10/04/2015	01/01/2015
Đầu tư vào công ty liên kết	-	-
Đầu tư vào liên doanh (Hợp đồng liên doanh):	-	-
<i>Công ty TNHH Thuận Phát ⁽¹⁾</i>	-	<i>57.200.000.000</i>
<i>Công ty cổ phần Vương Anh ⁽²⁾</i>	-	<i>22.800.000.000</i>
<i>Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Bắc Kạn ⁽³⁾</i>	<i>120.000.000.000</i>	-
Cộng	120.000.000.000	80.000.000.000

(1): Hợp đồng liên kết kinh doanh số 0102/2013/HĐHT/MTM-TPC ngày 01/02/2013: Góp vốn đầu tư thực hiện dự án Xây dựng và vận hành Nhà máy chế biến đá vôi do Công ty TNHH Thuận Phát làm chủ đầu tư.

- Bên nhận vốn góp : Công ty TNHH Thuận Phát
- Địa chỉ : Khu công nghiệp Phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.
- Tổng số vốn dự kiến đầu tư : 88.000.000.000 VND
- Công ty cổ phần Mỏ và XNK khoáng sản Miền Trung góp 65% tương đương: 57.200.000.000 VND.
- Hiện tại đã góp: 57.200.000.000 VND.
- Tỷ lệ phân chia lợi nhuận và rủi ro: Kết quả sản xuất kinh doanh, lãi sau thuế TNDN hoặc lỗ được phân chia theo tỷ lệ góp vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN MỎ VÀ XNK KHOÁNG SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 60, đường Nguyễn Tuấn Thiện, phường Lê Mao,
thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày
01/01/2015 đến ngày 10/04/2015

Hiện tại Dự án đã được chuyển nhượng toàn bộ cho Công ty TNHH An Bình với giá trị chuyển nhượng là 87.200.000.000 VND

(2): Hợp đồng liên kết kinh doanh số 1507/2013/HĐHT/MTM-VAC ngày 15/07/2013: Xây dựng và vận hành Nhà máy tuyển Quặng sắt tại Cảng Việt Trì, tỉnh Phú Thọ do Công ty cổ phần Vương Anh làm chủ đầu tư.

- Bên nhận vốn góp : Công ty cổ phần Vương Anh
- Địa chỉ : Số 58 Đường 3/2, P.Tân Lập, TP.Thái Nguyên, tỉnh Yên Bái.
- Tổng số vốn dự kiến đầu tư : 45.600.000.000 VND
- Công ty cổ phần Mỏ và XNK khoáng sản Miền Trung góp 50% tương đương: 22.800.000.000 VND.
- Hiện tại đã góp: 22.800.000.000 VNĐ .
- Tỷ lệ phân chia lợi nhuận và rủi ro: Kết quả sản xuất kinh doanh, lãi sau thuế TNDN hoặc lỗ được phân chia theo tỷ lệ góp vốn.

Hiện tại Dự án đã được chuyển nhượng toàn bộ cho Công ty TNHH An Bình với giá trị chuyển nhượng là 32.800.000.000 VNĐ

(3): Hợp đồng liên kết kinh doanh số 2703/2015/HĐHT/MTM-LKBK ngày 27/03/2015: Đầu tư khai thác mỏ chì kẽm đa kim Sáo Sáo thuộc thị trấn Nà Phặc và xã Thượng Quan, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn do Tổng Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Bắc Kạn làm chủ đầu tư.

- Bên nhận vốn góp : Tổng Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Bắc Kạn
- Địa chỉ : Tổ 4, phường Đức Xuân, thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn
- Tổng số vốn dự kiến đầu tư : 150.000.000.000 VND
- Công ty cổ phần Mỏ và XNK khoáng sản Miền Trung góp 80% tương đương: 120.000.000.000 VND.
- Hiện tại đã góp: 120.000.000.000 VND .
- Tỷ lệ phân chia lợi nhuận và rủi ro: Kết quả sản xuất kinh doanh, lãi sau thuế TNDN hoặc lỗ được phân chia theo tỷ lệ góp vốn.

Hiện tại Dự án hợp tác đã hoàn thành các hạng mục đầu tư và đang trong quá trình khai thác tại 03 cửa lò, bước đầu cho ra sản phẩm phục vụ quá trình tuyển. Dự kiến quý III/2015 sẽ mang lại doanh thu và lợi nhuận.

9. Đầu tư dài hạn khác

	10/04/2015			01/01/2015		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần khoáng sản Na Rì Hamico(*)	70.000.000.000	42.000.000.000	28.000.000.000	70.000.000.000		
Cộng	70.000.000.000	42.000.000.000	28.000.000.000	70.000.000.000		

(*): Đầu tư trái phiếu chuyển đổi của Công ty cổ phần Khoáng sản Na Rì Hamico từ ngày 31/03/2014.

Kỳ hạn: 12 tháng

Thời điểm chuyển đổi: Đã chuyển đổi từ ngày 04/04/2015

Tỷ lệ chuyển đổi: 01:10 (01 trái phiếu được chuyển đổi thành 10 cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu có mệnh giá 10.000 đồng/cp) tương ứng với 7.000.000 cổ phiếu.

10. Phải trả người bán

	10/04/2015	01/01/2015
Phải trả người bán	22.690.043.696	12.334.113.944
Cộng	22.690.043.696	12.334.113.944

CÔNG TY CỔ PHẦN MỎ VÀ XNK KHOÁNG SẢN MIỀN TRUNGĐịa chỉ: Số 60, đường Nguyễn Tuấn Thiện, phường Lê Mao,
thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.**Báo cáo tài chính**Cho kỳ kế toán từ ngày
01/01/2015 đến ngày 10/04/2015**11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	10/04/2015	01/01/2015
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.875.172.892	4.672.602.403
Cộng	5.875.172.892	4.672.602.403

12. Vốn chủ sở hữu*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

Đơn vị tính: VND

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2014	100.000.000.000	-	5.255.533.632	105.255.533.632
Vốn góp tăng trong năm	210.000.000.000	-	-	210.000.000.000
Lãi trong năm	-	-	11.156.844.576	11.156.844.576
Số dư tại 31/12/2014	310.000.000.000	-	16.412.378.208	326.412.378.208
Tăng trong kỳ	-	1.115.684.456	4.263.659.008	5.379.343.464
Giảm trong kỳ	-	-	(1.115.684.456)	(1.115.684.456)
Số dư tại 10/04/2015	310.000.000.000	1.115.684.456	19.560.352.760	330.676.037.216

VI – Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Luỹ kế từ đầu năm đến	
	10/04/2015	10/04/2014
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa	34.975.361.765	15.270.271.551
Cộng	34.975.361.765	15.270.271.551

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến	
	10/04/2015	10/04/2014
Giá vốn hàng hóa	28.051.945.078	12.099.172.619
Cộng	28.051.945.078	12.099.172.619

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến	
	10/04/2015	10/04/2014
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.019.020	120.998.271
Lãi chuyển nhượng vốn góp liên doanh, liên kết (*)	40.000.000.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.750.000.000	-
Cộng	41.752.019.020	120.998.271

(*) Khoản lợi nhuận từ việc chuyển nhượng vốn góp và các quyền lợi có liên quan theo 02 Hợp đồng liên doanh liên kết, bao gồm: Lợi nhuận từ hợp đồng số 1507/2013/HĐHT/MTM - VAC ký với Công ty cổ phần Vương Anh ngày 15/07/2013 “Xây dựng và vận hành nhà máy tuyển Quặng

CÔNG TY CỔ PHẦN MỎ VÀ XNK KHOÁNG SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 60, đường Nguyễn Tuấn Thiện, phường Lê Mao,
thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày
01/01/2015 đến ngày 10/04/2015

sắt tại Cảng Việt Trì, tỉnh Phú Thọ” do Công ty cổ phần Vương Anh làm chủ đầu tư số tiền: 10.000.000.000 VNĐ;

Và lợi nhuận từ hợp đồng số 0102/2013/HĐHT/MTM-TPC ký với Công ty TNHH Thuận Phát ngày 01/02/2013: “Xây dựng và vận hành Nhà máy chế biến đá vôi” do Công ty TNHH Thuận Phát làm chủ đầu tư số tiền: 30.000.000.000 VNĐ.

4. Chi phí hoạt động tài chính

Dự phòng giảm giá đầu tư 7.000.000 cổ phiếu Công ty cổ phần Khoáng sản Na Ri Hamico

Cộng

Lũy kế từ đầu năm đến	
10/04/2015	10/04/2014
42.000.000.000	-
42.000.000.000	-

5. Chi phí thuế thu nhập hiện hành

Lợi nhuận kế toán trước thuế
Chuyển lỗ phát sinh năm trước
Thu nhập chịu thuế
Thuế suất
Thuế TNDN phải nộp
Chi phí thuế TNDN hiện hành

Lũy kế từ đầu năm đến	
10/04/2015	10/04/2014
5.466.229.497	2.525.268.441
-	-
5.466.229.497	2.525.268.441
22%	22%
1.202.570.489	555.559.057
1.202.570.489	555.559.057

VII – Thông tin khác**1. Thông tin về các bên liên quan**

Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Thu nhập của Ban Giám đốc
Các khoản phúc lợi khác

Lũy kế từ đầu
năm đến
10/04/2015
276.500.000

2. Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV “Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu” tương ứng.

Các loại công cụ tài chính

Giá trị ghi sổ các công cụ tài chính của Công ty tại ngày lập báo cáo tài chính như sau:

	Giá trị ghi sổ tại ngày	
	10/04/2015	01/01/2015
Tiền	4.835.762.075	24.096.975.770
Phải thu khách hàng và phải thu khác	130.450.452.605	102.686.828.331
Đầu tư ngắn hạn	-	-
Đầu tư dài hạn	190.000.000.000	150.000.000.000
Cộng	325.286.214.680	276.783.804.101
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	22.690.043.696	12.334.113.944
Cộng	22.690.043.696	12.334.113.944

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 “Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn là đối tác liên doanh lâu năm.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và

CÔNG TY CỔ PHẦN MỎ VÀ XNK KHOÁNG SẢN MIỀN TRUNGĐịa chỉ: Số 60, đường Nguyễn Tuấn Thiện, phường Lê Mao,
thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.**Báo cáo tài chính**Cho kỳ kế toán từ ngày
01/01/2015 đến ngày 10/04/2015

dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Giá trị ghi sổ tại ngày 10/04/2015

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 10/04/2015			
Tiền	4.835.762.075	-	4.835.762.075
Phải thu khách hàng và phải thu khác	130.450.452.605	-	130.450.452.605
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
Đầu tư dài hạn		190.000.000.000	190.000.000.000
Cộng	325.286.214.680	190.000.000.000	325.286.214.680
Công nợ tài chính			
Phải trả người bán và phải trả khác	22.690.043.696	-	22.690.043.696
Cộng	22.690.043.696	-	22.690.043.696
Tại ngày 01/01/2015			
Tiền	24.096.975.770		24.096.975.770
Phải thu khách hàng và phải thu khác	102.686.828.331		102.686.828.331
Đầu tư ngắn hạn	-		-
Đầu tư dài hạn	-	150.000.000.000	150.000.000.000
Cộng	276.783.804.101	150.000.000.000	276.783.804.101
Công nợ tài chính			
Phải trả người bán và phải trả khác	12.334.113.944	-	12.334.113.944
Cộng	12.334.113.944	-	12.334.113.944

3. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ hoạt động và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 10 tháng 04 năm 2014.

Lập, ngày 22 tháng 04 năm 2015

Người lập biểu



Dương Thị Vân

Kế toán trưởng



Dương Thị Vân

